

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 16 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Chuân và ông Lê Duy Bình;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên;

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện tại: Thôn N, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà La Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, quan điểm nuôi dạy con cái, làm ăn kinh tế và anh T không quan tâm vợ con, không chăm lo đời sống gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2019. Sau khi xảy ra mâu thuẫn chị đưa con là cháu Lương Xuân N về sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã D, huyện V, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không hàn gắn được. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn cho ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Chị và anh Lương Văn T có 01 con chung là cháu Lương Xuân N, sinh ngày 26/12/2012, hiện cháu N đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đ xác định anh chị không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị Đ xác định trong thời gian chung sống anh chị không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Lương Văn T trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị Đ về việc anh chị có đăng ký kết hôn và có 01 con chung là cháu Lương Xuân N.

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã và từ năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân như lời trình bày của chị Đ là đúng. Bản thân anh có nghiện ma túy và đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01 tỉnh Lào Cai. Đến nay, anh không nhất trí ly hôn với chị Đ vì anh xác định vẫn còn tình cảm và vẫn muốn níu kéo chị Đ về chung sống với anh.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng không ai có con riêng, anh chị có 01 người con chung là cháu Lương Xuân N, sinh ngày 26/12/2012, hiện cháu N đang sống cùng chị Đ. Nếu vợ chồng có ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lương Xuân N đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không vay nợ ai, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của người làm chứng thể hiện: Chị Hoàng Thị Đ và anh Lương Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H. Anh chị có 01 con chung là cháu Lương Xuân N, sinh ngày 26/12/2012, hiện cháu N đang sống cùng chị Đ tại thôn N, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai. Anh Lương Văn T là người nghiện chất ma

túy, hiện đang bị đưa đi cai nghiện bắt buộc. Chị Hoàng Thị Đ là lao động tự do tại xã D có thu nhập từ 4.000.000đ đến 5.000.000 đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ, bị đơn anh Lương Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nêu trên;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hoàng Thị Đ được ly hôn với anh Lương Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lương Xuân N, sinh ngày 26/12/2012 cho chị Hoàng Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị Đ khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn anh Lương Văn T, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ, bị đơn anh Lương Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Lương Văn T ngày 12 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai, đây hôn nhân là hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, quan điểm nuôi dạy con cái, làm ăn kinh tế và anh T không quan tâm vợ con, không chăm lo đời sống gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2019. Chị Đ đưa con về sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã D, huyện V, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về nuôi con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, thì chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Xuân N. Chị Đ là lao động tự do tại địa phương có thu nhập từ 4.000.000đ đến 5.000.000 đồng/tháng. Anh T hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Lào Cai. Bản thân cháu N cũng có nguyện vọng được sống với chị Đ. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự ổn định cuộc sống ăn ở và học tập của cháu N và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Vì vậy cần giao cháu N cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ được ly hôn với anh Lương Văn T;

- Về con chung: Chị Hoàng Thị Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Xuân N, sinh ngày 26/12/2012 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004390 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Hoàng Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lương Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã H (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa

